

Bản án số 389/2020/DS-PT
Ngày 08 -9 - 2020
V/v Tranh chấp thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán:

Ông Đặng Văn Ý

Ông Võ Văn Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai, vụ án thụ lý số: 240/2020/TLPT-DS ngày 25 tháng 03 năm 2020 về "Tranh chấp thừa kế tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2020/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 908/2020/QĐ- PT ngày 28 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số : 142/2020/QĐ- PT ngày 22 tháng 6 năm 2020; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1341/2020/QĐ- PT ngày 25 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số : 169/2020/QĐ- PT ngày 27 tháng 7 năm 2020; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2290/2020/QĐ- PT ngày 17 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Tùng L, sinh năm: 1956 (vắng mặt);

Địa chỉ: 42 G Drive, Chearlottetown, P. Island Canada CIA6C3.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: Số 49, đường N, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 27 tháng 3 năm 2009).

2. Bị đơn: Bà Lê Thị X, sinh năm 1924;

Địa chỉ: Số 21/3, đường H, khu phố 1, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

(Đã chết ngày 05 tháng 7 năm 2018 theo trích lục khai tử ngày 09 tháng 7 năm 2018).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ông Lê Hòa H1, sinh năm: 1945;

Địa chỉ: Số 21/3, đường H, khu phố 1, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

(Đã chết ngày 15 tháng 3 năm 2017 theo trích lục khai tử ngày 17 tháng 3 năm 2017).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị X và ông Lê Hòa H1:

1. Ông Lê Thanh V, sinh năm 1972 (vắng mặt);

2. Bà Lê Thị Ngọc D, sinh năm 1977 (vắng mặt);

3. Bà Lê Thị Ngọc H2, sinh năm 1967 (vắng mặt);

4. Bà Lê Thị Ngọc H3, sinh năm 1976 (vắng mặt);

5. Bà Lê Thị N1, sinh năm 1966 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Số 944/15/18, đường H4, khu phố 4, phường T2, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông V, bà D, bà H2, bà H3: Bà Lê Thị N1, sinh năm 1966 (có mặt);

(Được ủy quyền theo hợp đồng ủy quyền ngày 20 tháng 4 năm 2017).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị N1: Luật sư Bùi Duy T3, Văn phòng Luật sư Quang T4, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3.2 Bà Nguyễn Ngọc Bích S, sinh năm 1964 (có mặt);

Địa chỉ: Số 41, đường M, khu phố 5, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

4. Người làm chứng:

4.1 Ông Nguyễn Văn T5, sinh năm: 1949 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp P1, xã T6, huyện B, tỉnh Long An (đã chết ngày 17 tháng 10 năm 2014).

4.2 Ông Đặng Văn M1, sinh năm: 1951 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 73, đường M, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

4.3 Ông Nguyễn Thái H5, sinh năm: 1962 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 8/2/5, khu phố 6, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

- Người kháng cáo: Ông Lê Thanh V, bà Lê Thị Ngọc D, bà Lê Thị Ngọc H2, bà Lê Thị Ngọc H3 và bà Lê Thị N1 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị X và ông Lê Hòa H1;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28 tháng 8 năm 2008 và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Trần Tùng L cũng như người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T1 trình bày:

Ông Trần Tùng L là con ruột của ông Trần Văn K và bà Lâm Thị B1. Ông K chết năm 1979 và bà B1 chết ngày 05 tháng 6 năm 2008. Nguồn gốc thửa đất tại số 108/1 ấp Chợ, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An nay là số 21/3 đường H, khu phố 1, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An là của ông bà ông K để lại, đến năm 1964 thì ông K bà B1 xây dựng căn nhà trên đất. Các tài sản trong nhà gồm: 01 tủ thờ bằng cây gỗ đỏ; 01 tủ quần áo cây gỗ có kiếng; 01 tủ quần áo cây gỗ không có kiếng; 01 bộ ghế salon có 04 cái ghế; 01 bàn mặt cẩm thạch có 06 cái ghế, 01 tủ sắt bằng gỗ đỏ là do ông K bà B1 mua nhưng không xác định rõ thời gian. Ông L là con duy nhất nên sau khi ông K bà B1 đứng ra quản lý tài sản trên. Năm 1986 ông L sang Canada định cư. Do gia đình đơn chiếc bà B1 sống một mình nên năm 1993 ông L có nhờ bà Lê Thị X là di họ của ông L đến sống chung với bà B1. Ông L là người chu cấp tiền bạc hàng tháng cho bà B1 và bà X, sau này chu cấp cả cho ông H1 để sinh sống, mỗi tháng khoảng 300USD. Khoảng 02 - 03 năm thì ông L về Việt Nam thăm gia đình. Năm 2008, khi ông L trao đổi với bà X mới phát hiện bà Lê Thị X dùng thủ đoạn ép buộc bà B1 ký vào di chúc giao toàn bộ tài sản cho bà X khi bà B1 qua đời. Ông L đã nhờ Ủy ban nhân dân thị trấn B xem xét giải quyết vụ việc nhưng chưa xong thì ngày 05 tháng 6 năm 2008, bà B1 chết. Ngày 19 tháng 6 năm 2008 bà Zt heo sự ủy quyền của ông L đã tham dự phiên hòa giải tại Ủy ban nhân dân thị trấn B nhưng không thành.

Nên ông Trần Tùng L khởi kiện yêu cầu xác định ông là người thừa kế duy nhất của bà Lâm Thị B1; ông là người thừa hưởng toàn bộ di sản của bà B1; ông L yêu cầu vô hiệu tờ di chúc ngày 05 tháng 11 năm 1991 của bà Lâm Thị B1 vì tài sản này là tài sản chung của ông K, bà B1 nhưng bà B1 tự định đoạt là không đúng; thời điểm lập di chúc bà B1 đã lớn tuổi không còn minh mẫn.

Ông L yêu cầu nhận thừa kế di sản của bà B1 là nhà và đất tại số 21/3 đường H, khu phố 1, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An cùng những tài sản bên trong nhà gồm 01 tủ thờ bằng cây gỗ đỏ; 01 tủ quần áo cây gỗ có kiếng; 01 tủ quần áo cây gỗ không có kiếng; 01 bộ ghế salon có 04 cái ghế; 01 bàn mặt cẩm thạch có 06 cái ghế, 01 tủ sắt bằng gỗ đỏ. Hiện nhà đã xuống cấp, bị sập một phần nên ông L yêu cầu nhận phần nhà còn lại theo biên bản định giá ngày 10 tháng 01 năm 2019, ông Lyêu cầu nhận hiện vật cả nhà và đất.

Trước đây, người đại diện hợp pháp của ông L có yêu cầu giám định chữ ký của bà Lâm Thị B1 trong tờ di chúc ngày 05 tháng 11 năm 1991. Ngày 27 tháng 6 năm 2017 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An có Công văn số

524/CAT-PC54 từ chối giám định chữ ký, đề nghị Tòa án thu thập thêm mẫu chữ ký của bà B1. Phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu này nhưng phía nguyên đơn không thể cung cấp được mẫu chữ ký của bà B1 nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong văn bản ngày 18 tháng 02 năm 2009 bị đơn bà Lê Thị X trình bày:

Bà X và bà Lâm Thị B1 là chị em bạn dì với nhau. Bà X sống chung với bà B1 từ năm 10 tuổi. Quá trình chung sống bà đã có công sức đóng góp, tôn tạo nhà đất ở số 108/1 ấp Chợ, thị trấn B, nay là số 21/3 đường H. Ngoài ra bà còn có công sức mua căn nhà số 186 thị trấn B. Do không biết chữ nên bà để cho bà B1 đứng tên. Sau giải phóng bà B1 cho thị trấn B mượn làm nhà bán hợp tác xã. Khi giải thể hợp tác xã bà B1 xin trả lại ở một thời gian, sau đó giao cho ông L, ông L bán để đi vượt biên nhưng thất bại. Trước khi bên vợ bảo lãnh đi định cư ở nước ngoài, ông L khai ông là con nuôi của bà B1 và cam kết không còn tài sản nào ở Việt Nam. Căn nhà mà ông L tranh chấp do bà kê khai cho bà B1 đứng tên. Sau đó do bà B1 lớn tuổi và do bà nuôi bà B1 nên bà B1 đã có ý chí để lại toàn bộ tài sản cho bà, bà đã nhờ người đánh máy di chúc thể hiện ý chí của bà B1 có người chứng kiến và có xác nhận của chính quyền địa phương. Di chúc này bà B1 cất giữ cho đến khi sắp qua đời mới giao lại cho bà. Bà X không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông L. Bà X có công lao trong việc cải tạo nhà, tuy nhiên nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết phần công sức (Bút lục 96).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Hòa H1 trình bày:

Ông là con ruột của bà Lê Thị X. Trước đây ông sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó ông chuyển hộ khẩu về sống cùng bà X trong căn nhà số 21/3 đường H, khu phố 1, thị trấn B. Theo ông thì bà X chung sống với bà B1 từ lúc còn trẻ cho đến khi về già. Trước khi chết bà B1 đã lập di chúc để lại toàn bộ nhà cửa và vật dụng cho bà X. Việc bà B1 lập di chúc có ông Nguyễn Văn T5 làm chứng ký tên trong di chúc. Theo ông H1, ông Tùng L tranh chấp tài sản thừa kế là không đúng. Vì di chúc của bà B1 để cho bà X là hợp lệ. Hơn nữa ông L không phải là con ruột cũng không phải là con nuôi của ông K và bà B1.

Trong văn bản ngày 07 tháng 7 năm 2009 người làm chứng ông Nguyễn Văn T5 trình bày:

Vào ngày 05 tháng 11 năm 1991 ông có đến nhà bà B1 và bà X ở chung, bà B1 có ý nguyện là bà B1 thừa hưởng căn nhà và đất của bà Đinh Thị C nên bà B1 yêu cầu và ông đã đến chính quyền địa phương để ký và xác nhận vào ngày 14 tháng 11 năm 1991.

Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2009/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn, xác định nhà đất cùng các tài sản trong nhà là di sản của bà B1, xác định ông L là thừa kế duy nhất của bà B1, đồng thời buộc bà X, ông H1 cùng những người sống trong căn nhà số 21/3 đường H giao nhà cùng tài sản trong nhà cho ông L.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà X kháng cáo.

Bản án phúc thẩm số 21/2010/DSPT ngày 4 tháng 02 năm 2010 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã bác yêu cầu kháng cáo của bà X, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi xét xử phúc thẩm, bà X có đơn đề nghị xem xét bản án dân sự phúc thẩm theo thủ tục giám đốc thẩm. Ngày 08 tháng 7 năm 2011 Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao ban hành quyết định số 75/QĐ-KNGĐT-V5 kháng nghị bản án dân sự phúc thẩm, đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm hủy bản án phúc thẩm và hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ vụ án về Tòa án tỉnh Long An xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quyết định giám đốc thẩm số 34/2013/GĐT-DS ngày 17/5/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 03 tháng 12 năm 2013 Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý lại vụ án.

Ngày 15 tháng 3 năm 2017 ông Lê Hòa H1 chết, ngày 26 tháng 9 năm 2017 Tòa án nhân dân huyện B giải quyết việc dân sự tuyên bố bà Lê Thị X mất năng lực hành vi dân sự đồng thời xác định bà Lê Thị N1 là người giám hộ và là người đại diện theo pháp luật của bà X. Ngày 05 tháng 7 năm 2018 bà X chết.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị X và ông Lê Hòa H1 là bà Lê Thị N1, đồng thời bà N1 đại diện cho những người kế thừa khác trình bày:

Các anh chị em của bà gồm Lê Thanh V, sinh năm 1972; Lê Thị Ngọc D, sinh năm 1977; Lê Thị Ngọc H2, sinh năm 1967; Lê Thị Ngọc H3, sinh năm 1976; Lê Thị N1, sinh năm 1966 là những người thừa kế duy nhất của ông Lê Hòa H1 và bà Lê Thị X ngoài ra thì ông H1, bà X không có người thừa kế nào khác. Về nguồn gốc nhà đất bà chỉ nghe nói lại là của ông bà để lại cho bà Lâm Thị B1 sau đó bà Lâm Thị B1 lập di chúc để lại cho bà Lê Thị X. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà yêu cầu Tòa án xác định tờ di chúc ngày 05 tháng 11 năm 1991 là hợp pháp. Bà yêu cầu Tòa án công nhận nhà đất tại số 21/3 đường H, khu phố 1, thị trấn B, tỉnh Long An cho các đồng thừa kế của bà X, ông H1 theo quy định của pháp luật. Đối với công sức đóng góp, sửa chữa nhà của bà X, ông H1 trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà cũng như các chị em của bà không yêu cầu.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc Bích S trình bày:

Các tài sản được đề cập đến trong tờ di chúc ngày 05/11/1991 của bà B1 gồm 01 tủ thờ bằng cây gỗ đỏ; 01 tủ quần áo cây gỗ có kiếng; 01 bộ ghế salon có 04 cái ghế; 01 bàn mặt cẩm thạch có 06 cái ghế, kể từ thời điểm nhà bị sập thì do bà đang trực tiếp quản lý, riêng 01 tủ quần áo cây gỗ không có kiếng, 01 tủ sắt bằng gỗ đỏ thì hiện ở nhà sau của nhà đang tranh chấp. Bà là người giữ chìa khóa quản lý nhà đất của bà B1. Sau khi bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp

luật thì ông L đã lập giấy ủy quyền để ủy quyền cho bà quản lý toàn bộ tài sản mà ông L tranh chấp với bà X.

Trong biên bản lấy lời khai ngày 16 tháng 6 năm 2015, văn bản ngày 08 tháng 01 năm 2016, người làm chứng ông Đặng Văn M1 trình bày:

Từ năm 1984 đến năm 1992 ông là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn B, bản di chúc bà B1 lập vào ngày 05 tháng 11 năm 1991 do chính ông ký xác nhận vào ngày 14 tháng 11 năm 1991, bà B1 trực tiếp đến Ủy ban và được cán bộ tư pháp là ông Nguyễn Thái H5 tư vấn và soạn thảo, bà B1 và người làm chứng là ông Nguyễn Văn T5 ký trước mặt ông. Khi lập di chúc bà B1 hoàn toàn minh mẫn. Việc di chúc ghi ngày 05 tháng 11 nhưng ký xác nhận vào ngày 14 tháng 11 là do cán bộ tư pháp lập, ông không biết vấn đề này. Đồng thời ông yêu cầu Tòa án không triệu tập xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Trong biên bản làm việc ngày 11 tháng 7 năm 2019 người làm chứng ông Nguyễn Thái H5 trình bày:

Ông là cán bộ tư pháp từ năm 1990 đến năm 2011, di chúc ngày 05 tháng 11 năm 1991 của bà Lê Thị Ba được Ủy ban nhân dân thị trấn B xác nhận ngày 14 tháng 11 năm 1991 thì ông hoàn toàn không biết, ông không có soạn thảo di chúc này. Ông là cán bộ tư pháp duy nhất của thị trấn B thời điểm này, ông hoàn toàn không biết cũng không gặp bà B1. Khi ông làm thủ tục lập di chúc cho người dân thì đối với người lớn tuổi phải có giấy khám sức khỏe khi họ có biểu hiện không còn minh mẫn, đối với nhà đất thì phải nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà, đồng thời trong di chúc khi ông soạn thảo phải có sổ vào sổ và ký tên vào sổ, tuy nhiên tờ di chúc ông nhìn thấy của bà B1 này lại không có sổ vào sổ và ông không soạn thảo cũng như không trình di chúc này cho ông M1 ký. Ông cam đoan lời khai của ông là sự thật đồng thời ông yêu cầu vắng mặt, đề nghị Tòa án không triệu tập ông trong suốt quá trình tham gia tố tụng khi Tòa án giải quyết vụ án.

Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2019/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp về thừa kế của ông Trần Tùng L với bà Lê Thị X do những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà X là Lê Thị N1, Lê Thanh V, Lê Thị Ngọc D, Lê Thị Ngọc H2, Lê Thị Ngọc H3 tham gia tố tụng.

Xác định di sản thừa kế của ông Trần Văn K và bà Lâm Thị B1 là quyền sử dụng thửa đất số 147 tờ bản đồ số 6 cùng căn nhà gắn liền với đất và các tài sản trong nhà theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10 tháng 01 năm 2019 gồm 01 tủ thờ bằng cây gỗ đỏ; 01 tủ quần áo cây gỗ có kiếng; 01 tủ quần áo cây gỗ không có kiếng; 01 bộ ghế Salon có 04 cái ghế; 01 bàn mặt cẩm thạch có 06 cái ghế, 01 tủ sắt bằng gỗ đỏ.

Xác định thừa kế của ông K bà B1 là ông Trần Tùng L.

Vô hiệu di chúc lập ngày 05 tháng 11 năm 1991 của bà Lâm Thị B1 được chứng nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn B ngày 14 tháng 11 năm 2019.

Ông Trần Tùng L được quyền sở hữu căn nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại số 21/3 đường H, khu phố 1, thị trấn B cùng các tài sản theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10 tháng 01 năm 2019 gồm 01 tủ thờ bằng cây gỗ đỏ; 01 tủ quần áo cây gỗ có kiếng; 01 tủ quần áo cây gỗ không có kiếng; 01 bộ ghế salon có 04 cái ghế; 01 bàn mặt cẩm thạch có 06 cái ghế, 01 tủ sắt bằng gỗ đỏ. Toàn bộ tài sản này hiện bà Bích Sơn đang quản lý, bà Bích Sơn được tiếp tục quản lý các tài sản này.

Cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà theo quy định của pháp luật.

2. Bác yêu cầu của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị X gồm Lê Thị N1, Lê Thanh V, Lê Thị Ngọc D, Lê Thị Ngọc H2, Lê Thị Ngọc H3 yêu cầu được sở hữu nhà và đất cùng các tài sản khác trong nhà.

3. Ông Trần Tùng L có trách nhiệm giao cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà X gồm Lê Thị N1, Lê Thanh V, Lê Thị Ngọc D, Lê Thị Ngọc H2, Lê Thị Ngọc H3 số tiền công sức là giá trị của phần nhà còn lại là 56.548.260đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) bên có nghĩa vụ chưa thi hành xong số tiền trên thì còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí đo đạc, định giá, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 29/11/2019, ông Lê Thanh V, bà Lê Thị Ngọc D, bà Lê Thị Ngọc H2, bà Lê Thị Ngọc H3 và bà Lê Thị N1 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị X và ông Lê Hòa H1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị sửa án theo hướng chấp nhận yêu cầu của các ông, bà, công nhận di chúc lập ngày 05/11/1991 của bà B1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của ông Lê Thanh V, bà Lê Thị Ngọc D, bà Lê Thị Ngọc H2, bà Lê Thị Ngọc H3 là bà Lê Thị N1 và bà Lê Thị N1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N1 trình bày: Di chúc lập ngày 05/11/1991 đáp ứng yêu cầu về hình thức, nội dung. Bà B1 đến và ký trước mặt ông M1. Việc soạn thảo di chúc ông M1 không biết. Vào thời điểm

đó, di chúc chưa được lập bài bản nhưng thể hiện rõ ý chí trước người ký có thẩm quyền. Việc di chúc ghi ngày 05/11/1991 nhưng xác nhận ngày 14/11/1991 là do lỗi kỹ thuật. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, công nhận di chúc ngày 05/11/1991.

Bà N1 trình bày: Thống nhất ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà, công nhận di chúc ngày 05/11/1991.

Đại diện nguyên đơn trình bày: Di chúc ngày 05/11/1991 không đúng trình tự, thủ tục, nội dung cũng không đúng vì ông L hàng tháng đều gửi tiền về Việt Nam, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác minh. Quyền sở hữu nhà, đất đến năm 2000 mới được Nhà nước công nhận. Án giám đốc thẩm hủy để làm rõ người làm chứng trong di chúc thì cán bộ tư pháp không soạn thảo Di chúc. Di chúc bất hợp pháp.

Bà S trình bày: Thống nhất án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét di chúc của bà B1 (Bút lục 34) có nội dung bà B1 để lại nhà đất tranh chấp và toàn bộ đồ dùng trong nhà cho bà X hưởng. Đây là di chúc đánh máy, phía dưới mục người lập di chúc có chữ ký "B1" và viết họ tên "Lâm Thị B1", mục người chứng kiến có chữ ký của ông Nguyễn Văn T5, mục xác nhận của chính quyền địa phương có nội dung: Ngày 14/11/1991 thay mặt Ủy ban nhân dân thị trấn B, Chủ tịch Đặng Văn M1, ký tên, đóng dấu. Trong bản di chúc không thể hiện chính quyền địa phương xác nhận bà B1 đã ký trước mặt người có thẩm quyền chứng thực, nên chưa đủ cơ sở khẳng định có đúng chữ ký của bà B1 trong bản di chúc hay không. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký của bà B1 trong di chúc, tuy nhiên do chữ ký cần giám định và chữ ký mẫu so sánh có cùng dạng là chữ viết và có thời điểm ký cách xa nhau (05/11/1991 và 21/9/1978) nên Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An không tiến hành giám định. Theo Văn bản số 182/UBND-CV ngày 4 tháng 11 năm 2019, Ủy ban nhân dân thị trấn B xác định không còn lưu giữ bản di chúc đã xác nhận này nên cũng không có căn cứ để đối chiếu di chúc ngày 05 tháng 11 năm 1991.

Biên bản lấy lời khai ngày 16 tháng 6 năm 2015 và biên bản làm việc ngày 08 tháng 01 năm 2016 ông Đặng Văn M1 là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn B là người ký xác nhận vào bản di chúc trình bày cho rằng bà B1 và ông T5 ký trước mặt của ông M, di chúc do ông Nguyễn Thái H5 là cán bộ tư pháp thời kỳ này soạn thảo và ký trước mặt ông M1, tuy nhiên ông M1 cho rằng di chúc lập ở nhà của bà B1 do ngày lập và ngày xác nhận là hai ngày khác nhau.

Trong biên bản làm việc ngày 11 tháng 7 năm 2019 ông Nguyễn Thái H5 thừa nhận ông H5 chính là cán bộ tư pháp thời điểm bà B1 lập di chúc nhưng ông H5 không thừa nhận có soạn thảo di chúc cũng như hoàn toàn không biết việc lập di chúc của bà B1, đồng thời ông H5 có trình bày khi Ủy ban chứng thực có vào sổ có sổ nhưng bản di chúc ngày 05 tháng 11 năm 1991 không có sổ vào sổ, việc ông M1 xác nhận vào di chúc cũng như ông T5 ký với tư cách là người làm chứng thì ông H5 hoàn toàn không biết. Trong tờ xác nhận ngày 7 tháng 7 năm 2009 ông Nguyễn Văn T5 xác nhận là ý nguyện của bà B1 là thừa hưởng căn nhà và đất của bà Đinh Thị C nên kêu ông T5 làm chứng chứ ông T5 hoàn toàn không có làm chứng việc bà B1 lập di chúc để tài sản lại cho bà X, điều này phù hợp với hiện trạng thực tế là lúc này bà B1 chưa được công nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà. Như vậy lời khai của những người làm chứng có rất nhiều mâu thuẫn với nhau nên không có căn cứ xác nhận tính hợp pháp của di chúc do bà B1 lập.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Thanh V, bà Lê Thị Ngọc D, bà Lê Thị Ngọc H2, bà Lê Thị Ngọc H3 và bà Lê Thị N1 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị X và ông Lê Hòa H1, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của ông Lê Thanh V, bà Lê Thị Ngọc D, bà Lê Thị Ngọc H2, bà Lê Thị Ngọc H3 và bà Lê Thị N1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Nguồn gốc di sản thừa kế mà các bên tranh chấp:

Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn xét xử sơ thẩm, phúc thẩm lần thứ nhất, và kể cả khi xét xử giám đốc thẩm, các đương sự không tranh chấp với nhau về nguồn gốc tài sản mà bà X chỉ trình bày tài sản nhà đất của bà B1 để lại cho bà X là hợp pháp, bà X có công sức đóng góp trong việc xây dựng căn nhà. Các bên chỉ tranh chấp nhau về hiệu lực của di chúc để xác định ai là người được hưởng di sản của bà B1.

Tuy nhiên khi xét xử sơ thẩm lần thứ hai, người đại diện hợp pháp của bà Nguyệt là bà Nguyễn Thị Thúy L trình bày cho rằng, quyền sử dụng đất được cấp vào năm 2000 là cấp cho hộ gia đình trong đó có bà X nên đây là tài sản chung của bà X và bà B1.

Việc cấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất thổ số 147 tờ bản đồ số 6 là cấp lần đầu do Ủy ban nhân dân tỉnh L1 cấp cho hộ gia đình ông (bà) Lâm Thị B1.

Căn cứ hồ sơ cấp quyền sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B cung cấp cho Tòa án thì xác định người đứng đơn xin cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà B1 chính là bà X vào ngày 8 tháng 5 năm 1998 với nguồn gốc đất là đất của ông bà để lại trước năm 1975, trong bản xác minh nguồn gốc đất ngày 31 tháng 12 năm 1999 thể hiện là đất này ông bà để lại cho bà Lâm Thị B1, không có liên quan đến bà X, trong danh sách cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại cột 82 cũng xác định cấp quyền sử dụng đất cho bà Lâm Thị B1 chứ không phải cấp cho hộ bà Lâm Thị B1.

Trong văn bản ngày 18 tháng 2 năm 2009 bà X trình bày bà X chung sống với gia đình bà B1 từ lúc nhỏ, và chính bà X là người đi đăng ký đất dùm cho bà B1 chứ hoàn toàn không có tranh chấp tài sản chung với bà B1 (Bút lục 40).

Việc cấp quyền sử dụng đất được thể hiện cấp cho hộ ông (bà) là do thao tác biên tập theo mẫu thường sử dụng, được Ủy ban nhân dân tỉnh L1 ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L1 xác định tại Văn bản số 4666/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 25 tháng 11 năm 2019 là cấp cho cá nhân bà B1 chứ không phải cấp cho hộ gia đình, xác nhận này hoàn toàn phù hợp Điều 116 Bộ luật Dân sự năm 1995.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định quyền sử dụng đất này không phải là tài sản chung của bà B1 và bà X là có cơ sở. Do trên đất có nhà, có nguồn gốc của bà B1 cùng chồng là ông Trần Văn K xây dựng. Bà X có lời khai xác định tài sản này không phải của ông K và B1 nhưng không chứng minh được nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là có căn cứ.

[2.2] Ông K chết vào năm 1979, ông L là người thừa kế định cư ở nước ngoài từ năm 1986 nên thuộc trường hợp giao dịch dân sự về nhà ở được xác lập trước ngày 01 tháng 7 năm 1991, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Nghị quyết 1037/2006/NQ-UBTVQH11 ngày 27 tháng 7 năm 2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để giải quyết là đúng pháp luật.

[2.3] Về di chúc do bà X xuất trình đứng tên bà B1 lập ngày 05 tháng 11 năm 1991 có nội dung bà B1 để lại nhà đất tranh chấp và toàn bộ đồ dùng trong nhà cho bà X hưởng.

Đây là di chúc đánh máy, phía dưới mục người lập di chúc có chữ ký “Ba” và viết họ tên “Lâm Thị B1”, mục người chứng kiến có chữ ký của ông Nguyễn Văn T5, mục xác nhận của chính quyền địa phương có nội dung: Ngày 14/11/1991 thay mặt Ủy ban nhân dân thị trấn B, Chủ tịch Đặng Văn M1, ký tên, đóng dấu.

Theo quy định của Điều 14 Pháp lệnh Thừa kế 1990 về di chúc có chứng thực thì người lập di chúc có thể tự viết hoặc nhờ người khác viết hộ nhưng phải ký hoặc điểm chỉ trước mặt người có trách nhiệm chứng thực. Trong bản di chúc không thể hiện chính quyền địa phương xác nhận bà B1 đã ký trước mặt người có thẩm quyền chứng thực, nên chưa đủ cơ sở khẳng định có đúng chữ ký của bà B1 trong bản di chúc hay không. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký của bà B1 trong di chúc trên cơ sở mẫu chữ ký của bà B1 trong tờ khai chứng minh nhân dân do Phòng cảnh sát quản lý hành chính về

trật tự xã hội Công an tỉnh L1 cung cấp, tuy nhiên do chữ ký cần giám định và chữ ký mẫu so sánh có cùng dạng là chữ viết và có thời điểm ký cách xa nhau (05/11/1991 và 21/9/1978) nên Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh L1 không tiến hành giám định.

Tại văn bản số 182/UBND-CV ngày 4 tháng 11 năm 2019 thì Ủy ban nhân dân thị trấn B xác định không còn lưu giữ bản di chúc đã xác nhận này nên cũng không có căn cứ để đối chiếu di chúc ngày 05 tháng 11 năm 1991.

[2.4] Trong biên bản lấy lời khai ngày 16 tháng 6 năm 2015 và biên bản làm việc ngày 08 tháng 01 năm 2016 ông Đặng Văn M1 là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn B là người ký xác nhận vào bản di chúc trình bày cho rằng bà B1 và ông T5 ký trước mặt của ông Mum, di chúc do ông Nguyễn Thái H5 là cán bộ tư pháp thời kỳ này soạn thảo và ký trước mặt ông Mum, tuy nhiên ông M1 cho rằng di chúc lập ở nhà của bà B1 do ngày lập và ngày xác nhận là hai ngày khác nhau. Trong biên bản làm việc ngày 11 tháng 7 năm 2019 ông Nguyễn Thái H5 thừa nhận ông H5 chính là cán bộ tư pháp thời điểm bà B1 lập di chúc nhưng ông H5 không thừa nhận có soạn thảo di chúc cũng như hoàn toàn không biết việc lập di chúc của bà B1, đồng thời ông H5 có trình bày khi Ủy ban chứng thực có vào sổ có số nhưng bản di chúc ngày 05 tháng 11 năm 1991 không có số vào sổ, việc ông M1 xác nhận vào di chúc cũng như ông T5 ký với tư cách là người làm chứng thì ông H5 hoàn toàn không biết. Trong tờ xác nhận ngày 7 tháng 7 năm 2009 ông Nguyễn Văn T5 xác nhận là ý nguyện của bà B1 là thừa hưởng căn nhà và đất của bà Đinh Thị C nên kêu ông T5 làm chứng chứ ông T5 hoàn toàn không có làm chứng việc bà B1 lập di chúc để tài sản lại cho bà X, điều này phù hợp với hiện trạng thực tế là lúc này bà B1 chưa được công nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà. Như vậy lời khai của những người làm chứng có rất nhiều mâu thuẫn với nhau nên không có căn cứ xác nhận tính hợp pháp của di chúc do bà B1 lập. Mặt khác tại Điều 20 Nghị định số 45-HĐBT ngày 27 tháng 2 năm 1991 quy định thẩm quyền chứng nhận di chúc thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã. Mặc dù văn bản này trái với tinh thần tại Điều 14 của Pháp lệnh thừa kế nhưng Điều 36 Nghị định này cũng quy định rõ là những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

[2.5] Các nội dung khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị nên giữ nguyên.

Tòa án cấp sơ thẩm có ghi xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn B trong phần quyết định là ngày 14/11/2019 là không chính xác nên Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi lại cho chính xác là ngày 14/11/1991.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng pháp luật. Ông Lê Thanh V, bà Lê Thị Ngọc D, bà Lê Thị Ngọc H2, bà Lê Thị Ngọc H3 và bà Lê Thị N1 kháng cáo nhưng không đưa ra tình tiết mới làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Thanh V, bà Lê Thị Ngọc D, bà Lê Thị Ngọc H2, bà Lê Thị Ngọc H3 và bà Lê Thị N1, giữ nguyên án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyệt không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Thanh V, bà Lê Thị Ngọc D, bà Lê Thị Ngọc H2, bà Lê Thị Ngọc H3 và bà Lê Thị N1 phải chịu án phí do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 26, 37, 38, 68, 74, 147, 228, 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 31, 32 Luật Tố tụng Hành chính;

Căn cứ Điều 652 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 12, 14 Pháp lệnh Thừa kế;

Căn cứ Nghị quyết 1037/2006/NQ-UBTVQH11 ngày 27 tháng 7 năm 2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Điều 20 Nghị định số 45-HĐBT ngày 27 tháng 2 năm 1991;

Căn cứ Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Căn cứ Điều 27, 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Thanh V, bà Lê Thị Ngọc D, bà Lê Thị Ngọc H2, bà Lê Thị Ngọc H3 và bà Lê Thị N1 ; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 791/2019/DS-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân tỉnh Long An, có điều chỉnh cho chính xác, cụ thể như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp về thừa kế của ông Trần Tùng L với bà Lê Thị X do những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà X là Lê Thị N1, Lê Thanh V, Lê Thị Ngọc D, Lê Thị Ngọc H2, Lê Thị Ngọc H3 tham gia tố tụng.

Xác định di sản thừa kế của ông Trần Văn K và bà Lâm Thị B1 là quyền sử dụng thửa đất số 147 tờ bản đồ số 6 cùng căn nhà gắn liền với đất và các tài sản trong nhà theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10 tháng 01 năm 2019 gồm 01 tủ thờ bằng cây gỗ đỏ; 01 tủ quần áo cây gỗ có kiếng; 01 tủ quần áo cây gỗ không có kiếng; 01 bộ ghế Salon có 04 cái ghế; 01 bàn mặt cẩm thạch có 06 cái ghế, 01 tủ sắt bằng gỗ đỏ.

Xác định thừa kế của ông K và B1 là ông Trần Tùng L.

Vô hiệu di chúc lập ngày 05 tháng 11 năm 1991 của bà Lâm Thị B1 được chứng nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn B ngày 14 tháng 11 năm 1991.

Ông Trần Tùng L được quyền sở hữu căn nhà và quyền sử dụng đất tọa lạc tại số 21/3 đường H, khu phố 1, thị trấn B cùng các tài sản theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10 tháng 01 năm 2019 gồm 01 tủ thờ bằng cây gỗ đỏ; 01 tủ quần áo cây gỗ có kiếng; 01 tủ quần áo cây gỗ không có kiếng; 01 bộ ghế salon có 04 cái ghế; 01 bàn mặt cẩm thạch có 06 cái ghế, 01 tủ sắt bằng gỗ đỏ. Toàn bộ tài sản này hiện bà Bích Sơn đang quản lý, bà Bích Sơn được tiếp tục quản lý các tài sản này.

Cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà theo quy định của pháp luật.

2. Bác yêu cầu của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị X gồm Lê Thị N1, Lê Thanh V, Lê Thị Ngọc D, Lê Thị Ngọc H2, Lê Thị Ngọc H3 yêu cầu được sở hữu nhà và đất cùng các tài sản khác trong nhà.

3. Ông Trần Tùng L có trách nhiệm giao cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà X gồm Lê Thị N1, Lê Thanh V, Lê Thị Ngọc D, Lê Thị Ngọc H2, Lê Thị Ngọc H3 số tiền công sức là giá trị của phần nhà còn lại là 56.548.260đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) bên có nghĩa vụ chưa thi hành xong số tiền trên thì còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

4. Về chi phí đo đạc, định giá, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí là 7.200.000đồng. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã nộp tạm ứng và chi phí xong.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả số tiền 4.322.950đồng tạm ứng án phí cho ông Trần Tùng L theo các biên lai số 0009555 và số 0009556 cùng ngày 22 tháng 6 năm 2017 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Long An.

Bà Lê Thị N1, ông Lê Thanh V, bà Lê Thị Ngọc D, bà Lê Thị Ngọc H2, bà Lê Thị Ngọc H3 phải chịu 300.000đồng án phí không có giá ngạch do bị bác yêu cầu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 0000414 ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Long An.

Hoàn trả án phí cho bà X do ông H1 nộp số tiền 18.050.037đồng theo biên lai số 005807 ngày 16 tháng 8 năm 2010 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Long An cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà X ông

H1 gồm Lê Thị N1, Lê Thanh V, Lê Thị Ngọc D, Lê Thị Ngọc H2, Lê Thị Ngọc H3 theo hình thức thôi thu.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Thanh V, bà Lê Thị Ngọc D, bà Lê Thị Ngọc H2, bà Lê Thị Ngọc H3 và bà Lê Thị N1 mỗi người phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H2 đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000703 ngày 16 tháng 12 năm 2019; bà D đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000702 ngày 16 tháng 12 năm 2019; ông V đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000701 ngày 16 tháng 12 năm 2019; bà Nguyệt đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000704 ngày 16 tháng 12 năm 2019; bà H3 đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000705 ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Long An.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Dương sự;
- Lưu – (Án - Trú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Đinh Ngọc Thu Hương